

ẢNH HƯỞNG CỦA VÒNG ĐÀM PHÁN ĐÔHA ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA CHÂU PHI VÀ CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

*Th.S. Nguyễn Hồng Bắc**

Các cuộc đàm phán thương mại đa phương của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) bắt đầu từ 2001 tại Đôha và bế tắc vào ngày 14/9/2003 tại Cancun, Mêhicô. Điều này làm nảy sinh những nghi ngờ là liệu thương mại có là động lực thúc đẩy phát triển cho các nước nghèo. Sự sụp đổ của đàm phán tại Cancun một phần là do những bất đồng giữa nhóm các nước đang phát triển và các nước phát triển về các vấn đề trợ cấp và ưu đãi trong lĩnh vực nông nghiệp. Mặc dù vậy, về cơ bản Vòng đàm phán Đôha được đánh giá là bước khởi đầu cho các nước đang phát triển đấu tranh cho một hệ thống thương mại đa phương công bằng hơn. Bài viết này tập trung xem xét quan điểm của các nước châu Phi về vấn đề mậu dịch nông sản tại Vòng đàm phán Đôha, các kết quả có thể đạt được và những tác động của vòng đàm phán này tới các nước đang phát triển, nhất là các nước châu Phi.

I. QUAN ĐIỂM CỦA CÁC NƯỚC CHÂU PHI ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ NÔNG SẢN TẠI VÒNG ĐÀM PHÁN ĐÔHA

Hội nghị Đôha đã đánh dấu một bước chuyển biến trong tương quan lực lượng giữa các nước đang phát triển và phát triển. Các nước đang phát triển đã có

tiếng nói riêng của mình, đứng lên đòi lại những quyền lợi chính đáng cho họ, nhất là trong vấn đề nông nghiệp. Nhóm các nước châu Phi tới Đôha phản đối việc đưa thêm các vấn đề mới vào chương trình đàm phán thương mại cho tới khi các vấn đề cũ còn dang dở được giải quyết. Ngoại trừ Nam Phi đã tuyên bố hoàn toàn đồng ý việc mở rộng hơn vòng đàm phán, hầu hết các nước châu Phi muốn Đôha tập trung giải quyết vấn đề "thực thi" như giảm thuế quan cho hàng xuất khẩu của các nước châu Phi xâm nhập vào thị trường các nước phát triển, yêu cầu các nước giàu giảm trợ cấp nông nghiệp, cam kết hỗ trợ lương thực, kỹ thuật, công nghệ cho các nước nghèo...

Thành công của các nước châu Phi tại Đôha là việc WTO đã chấp nhận ưu đãi cho các hàng hoá trao đổi giữa châu Âu và các nước châu Phi, vùng biển Caribê và Thái Bình Dương (ACP) bên ngoài các qui định thương mại toàn cầu. Những ưu đãi này cho phép các nước châu Âu tiếp tục thực hiện cơ chế ưu đãi theo thoả thuận Côtônou cho các nước ACP. Thoả thuận này bao gồm những ưu đãi trong việc mở cửa thị trường, hỗ trợ tài chính và kỹ thuật công nghệ. Tại Đôha, các nước châu Phi đã có sự liên kết chặt chẽ và liên tục gây sức ép trong đàm phán về vấn đề

* Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới



"thực thi". Trong 2 ngày cuối cùng tại Đôha, các nhóm nước châu Phi đã sát nhập cùng nhóm các nước chậm phát triển (LDCs) và ACP để tăng sức mạnh đàm phán. Để đạt được những nhượng bộ của các nước phát triển, các nước châu Phi đã phải vượt qua sự phản đối mạnh mẽ từ các nước châu Mỹ Latinh chuyên xuất khẩu chuối, và các nước xuất khẩu cá hồi như Philipin và Thái Lan, lo ngại về ảnh hưởng của những ưu đãi cho các nước ACP tới hàng xuất khẩu của các nước này sang châu Âu.

Tuy nhiên, trong vấn đề nông nghiệp, các nước Kênia, Nigêria, Xênegan, Uganda và Dimbabuê đã thất bại không đưa được "hộp phát triển" (development box) vào chương trình sửa đổi của Tuyên bố Đôha. "Hộp phát triển" bao gồm việc cho phép các nước nghèo tăng thuế nhập khẩu hàng hoá lương thực cơ bản để thoả mãn nhu cầu thực phẩm căn bản và hỗ trợ cho nông dân nghèo. Hộp này cũng cho phép trực tiếp trợ cấp cho những hàng hoá lương thực là nguồn sống chính cho những nông dân nghèo, đang bị cấm theo thoả thuận hiện nay.

Trong khi Đôha đã mang lại cơ hội tiềm năng cho các nước châu Phi đàm phán về các qui định thương mại bất bình đẳng, nó cũng đã đặt ra những thách thức to lớn. Một lần nữa, các nước châu Phi lại phải đối mặt với những chương trình đàm phán quá tốn kém và phức tạp khi mà nguồn lực của những nước này còn hạn chế cả về con người và vật chất. Các nước đứng trước nguy cơ cam kết nhiều hơn với các điều khoản mà không hoàn toàn hiểu hết những ý nghĩa của nó. Các nhà đàm phán của các nước đang phát triển phải chống chọi với các nhà đàm phán chuyên nghiệp của các nước châu Âu, Nhật Bản và Mỹ. Vài nước châu Phi như Môđambich chỉ có

3 người tại Đôha, nhiều nước còn không cử đại biểu tới. Điều này rất khó có thể đảm bảo lợi ích của các nước châu Phi được đề cập tới trong bản thoả thuận cuối cùng. Chương trình Đôha là quá rộng đối với các nước châu Phi, do vậy các nước này đã phải cố gắng tập trung vào những điểm quan trọng nhất.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA VÒNG ĐÀM PHÁN ĐÔHA TỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

1. Ưu đãi dành cho các nước đang phát triển

Trong Tuyên bố Uruguay năm 1986, WTO đã thừa nhận quyền ưu đãi cho các nước đang phát triển là một trong những nguyên tắc cơ bản của các cuộc đàm phán thương mại. Theo Bản thoả thuận nông nghiệp của Vòng đàm phán Đôha, các nước đang phát triển được hưởng những ưu đãi đặc biệt bao gồm:

- Các nước LDCs hoàn toàn được miễn không phải cam kết giảm thuế, hỗ trợ nội địa và trợ cấp xuất khẩu (Điều 15.2).

- Trợ cấp đầu tư nông nghiệp cho các nước đang phát triển và trợ cấp đầu vào cho các hộ thu nhập thấp và nghèo được miễn không tính vào tổng mức hỗ trợ (AMS) (Điều 6.2).

- Mức tối thiểu bóp méo thương mại của trợ cấp nội địa đối với các nước đang phát triển là 10% cao hơn so với mức của các nước phát triển 5% (Điều 6.4b).

- Mức giảm thuế quan, hỗ trợ nội địa và trợ cấp xuất khẩu là thấp hơn và trong một khoảng thời gian dài hơn (Điều 15.2, 9.2b (iv)).

- Các chương trình dự trữ của chính phủ để đảm bảo an toàn lương thực và các hoạt động minh bạch phù hợp với các tiêu

chuẩn để ra được coi là phù hợp với Bản thoả thuận. (Phụ chương 2, đoạn 3 và chú thích 5).

• Việc cung cấp lương thực trợ giá, với mục tiêu thỏa mãn nhu cầu lương thực của dân nghèo thành thị và nông thôn cho nhu cầu hàng ngày với một giá cả hợp lý, được cho là phù hợp với Bản thoả thuận (Phụ chương 2, đoạn 4, chú thích 5 và 6).

Đánh giá các điều khoản của Bản thoả thuận nông nghiệp

Tác động của các điều khoản trong Bản thoả thuận khá mâu thuẫn, một vài điều khoản tỏ ra hữu ích, có thể được duy trì và củng cố trong tương lai. Các điều khoản khác lại không hiệu quả và mang tính mâu thuẫn với nhau. Ngoài ra, cần có các điều khoản phản ánh nhu cầu khác nhau của các nước đang phát triển.

+) Về mở cửa thị trường: Mức thuế quan trung bình áp dụng cho các nước đang phát triển đối với một số hàng nông sản đã thấp hơn mức thuế quan trung bình trong tổng mức thuế quan. Đây có thể là kết quả của việc tự do hóa các nông sản nhiệt đới trước đây. Tuy nhiên, bảo hộ đối với nông sản nhập khẩu từ các nước đang phát triển như gạo vào thị trường Nhật, thuốc lá và lạc vào thị trường Mỹ và nước nho vào thị trường EU là rất cao.

+) Độ linh hoạt của các nguyên tắc và quy tắc: Đây là một lĩnh vực quan trọng vì một trong những khó khăn lớn ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp của các nước đang phát triển là không có đủ khả năng về thể chế. Trình độ tổ chức của các nước đang phát triển kém hơn rất nhiều so với các nước phát triển. Bản thoả thuận có rất nhiều vấn đề cần phải bàn. Đặc biệt ở trong những điều khoản quan trọng cho phép hỗ trợ đầu tư và đầu vào sản xuất

cho những người nông dân nghèo theo Điều 6.2 lại không được xếp vào trong trợ cấp của "hộp xanh lá cây" để coi là khoản trợ cấp trong dạng không làm bóp méo thương mại và sản xuất, mà lại ở trong mục các biện pháp hỗ trợ có gây ra bóp méo thương mại. Những điều khoản như vậy tạm thời được chấp nhận và phải xem xét lại trước khi tiếp tục áp dụng. Thực tế, những trợ cấp trong Điều 6.2 có thể bị đưa vào Điều 13b, nếu những trợ cấp này vượt quá giới hạn ngân sách đã quyết trong năm 1992. Điều đó có nghĩa là, nếu một nước đang phát triển trợ cấp cho nông dân nghèo vượt quá mức của năm 1992 và thành công trong việc khuyến khích sản xuất, và nếu sản phẩm sản xuất ra đủ để cung cấp cho nhu cầu trong nước, thì rất có thể lại phải đối mặt với nguy cơ bị kiện. Các nhà xuất khẩu vào thị trường nước này có thể kiện theo mục "thiên vị nghiêm trọng". Như vậy tinh thần và cơ sở luật pháp của Bản thoả thuận có nhiều bất cập, không hoàn toàn theo định hướng hỗ trợ các nước đang phát triển.

+) Về trợ cấp xuất khẩu: Các nước đang phát triển đòi vấn đề trợ cấp xuất khẩu cần được xem xét riêng rẽ trong Bản thoả thuận, vì trợ cấp xuất khẩu làm bóp méo thương mại, trong khi hầu hết các nước đang phát triển không đủ sức để thực hiện loại trợ cấp này. Vấn đề này mang tính chính trị nhiều hơn kinh tế. Trợ cấp xuất khẩu, dù có giảm từ mức rất cao xuống mức thấp tại các nước phát triển vẫn tạo cho các nước phát triển có nhiều lợi thế thương mại hơn so với các nước đang phát triển. Để sửa đổi sự bất bình đẳng này, các nước đang phát triển cần phải được hưởng chính sách giảm trợ cấp xuất khẩu chậm hơn, và các nước phát triển phải đẩy nhanh giảm trợ cấp xuất khẩu mạnh hơn để tạo ra một sân chơi cân bằng.

+) Định mức tối thiểu: Vấn đề định mức tối thiểu cũng gây ra nhiều tranh cãi. Không có dẫn chứng nào cho mức trần 10% là đủ để hạn chế những trợ cấp nông nghiệp cần thiết. Định mức tối thiểu cần phải tăng từ 10% lên 15%. Kiến nghị của các nước đang phát triển là tăng mức tối thiểu hay tạo ra một mức trợ cấp cao nhất có thể (bao gồm cả các biện pháp trong hộp xanh lá cây) để các nước này cân bằng lại sân chơi và có cùng mức trợ cấp nông nghiệp như các nước phát triển. Cũng có những tranh luận cho là các nước đang phát triển nên sử dụng những luật lệ quốc tế để đưa ra thêm những biện pháp kiểm soát chính sách trong nước. Tranh luận này sẽ thuyết phục hơn nếu các nước phát triển thực hiện điều này trên thực tế, thay vì thường xuyên đưa ra các luật lệ thương mại quốc tế về lương thực và nông sản để chúng phù hợp với các chính sách trong nước.

+) Các vấn đề vệ sinh lương thực, thực phẩm: Các nước đang phát triển gặp khó khăn nhiều nhất trong việc thoả mãn các điều kiện vệ sinh lương thực, thực phẩm trong Bản thoả thuận. Nhiều khó khăn xuất phát từ việc thiếu khả năng phát triển thể chế cần thiết và những chi phí tốn kém để thực hiện các tiêu chuẩn đi kèm với thử nghiệm và bản quyền (chiếm từ 2 đến 10% trong tổng số chi phí sản phẩm). Những tiêu chuẩn này làm tăng gánh nặng cho hoạt động xuất khẩu của các nước đang phát triển. Quan trọng hơn, Bản thoả thuận là cơ sở pháp lý để các nước phát triển gây khó khăn đáng kể cho hoạt động thương mại của các nước đang phát triển. Luật pháp EU qui định về mức tối thiểu cho chất aflatoxin, một chất toxic tìm thấy trong thức ăn và đồ ăn gia súc, và điều đó gây thiệt hại tới gần 700 triệu USD cho các nhà xuất khẩu lạc châu Phi.

Bản thoả thuận còn quy định, nếu một nước phát triển thấy rằng một sản phẩm xuất khẩu của một nước đang phát triển không thoả mãn tiêu chuẩn vệ sinh và bị đình chỉ xuất sang thị trường nước này, nước đó có nghĩa vụ hỗ trợ nước đang phát triển nâng chất lượng lên mức tiêu chuẩn cần thiết. EU đã giúp đỡ vài nước đang phát triển để giúp họ thoả mãn các tiêu chuẩn về cá. Tuy nhiên, nghĩa vụ này cần được đưa ra thành luật của WTO, nếu không ít nhất cũng cần được ghi thành một điều tham khảo trong Bản thoả thuận.

Tại sao các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước nghèo, lại gặp khó khăn trong hội nhập vào thương mại quốc tế? Thị phần của các nước đang phát triển ngày càng giảm, từ 40% xuống 24% trong vòng 3 năm. Một lý do là phần lớn các nước đang phát triển nằm ngoài tiến trình tự do hóa khu vực. Quá trình hội nhập vào thị trường thương mại thế giới của châu Á và châu Phi là chưa có sức thuyết phục. Nói chung, các nước đang phát triển tiếp tục sử dụng mức thuế quan khá cao, thậm chí trong cùng hệ thống các nước đang phát triển và thường có những mức thuế nhập khẩu phức tạp và rất nhiều rào cản hành chính. Một lý do nữa về việc thiếu hoà nhập trong thị trường thế giới là do sự yếu kém về kỹ thuật, vệ sinh và dịch bệnh đã ngăn cản khả năng xuất khẩu của đa số các nước đang phát triển. Ví dụ EU cấm nhập cá của châu Phi vào cuối thập kỷ 1990 do sợ dịch tả, điều đó đã làm đình trệ hoạt động sản xuất cá trong vài nước ở châu lục này. Việc mở cửa thị trường theo thoả thuận Đoha dường như chỉ ở trên giấy. Đối với các sản phẩm chế biến, những rào cản cũng không kém phần khắc nghiệt. Thực tế, các tiêu chuẩn của các nước phát triển thường gắn với dây

chuyển chế biến và hoàn toàn không chỉ gắn với chất lượng sản phẩm cuối cùng. Các nhà máy chế biến phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục phân tích đòi hỏi chi phí tốn kém, cơ sở vật chất và khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm của các nước đang phát triển.

Thật khó có thể phân biệt liệu các biện pháp kiểm soát là để bảo hộ các nhà sản xuất trong nước hay bảo vệ sức khỏe con người, động vật hay rau quả. Khi các tiêu chuẩn vượt quá mức cần thiết, WTO cũng có các công cụ hạn chế những rào cản quá mức này. Thỏa thuận SPS (về vệ sinh lương thực, thực phẩm) cho rằng kiểm soát khắt khe hơn các tiêu chuẩn quốc tế phải có những phân xét khoa học với những phân tích rủi ro. Mặc dù vậy, thỏa thuận SPS cũng có tác dụng khá hạn chế tới các nước đang phát triển bởi những hạn chế về tài chính, trình độ... trong việc theo đuổi tranh chấp.

Các nước phát triển hiện nay thường đặt ra các tiêu chuẩn riêng của họ cho các nhà nhập khẩu và các nhà sản xuất từ các nước đang phát triển. Những đòi hỏi này thường khắt khe hơn cả các qui định quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực chế biến sản phẩm, bằng phát minh sáng chế và truy xuất nguồn gốc hàng hóa, 3 lĩnh vực mà các nước nghèo thường đặc biệt bị khó khăn do thiếu vốn, cơ sở hạ tầng và công nhân tay nghề. Ví dụ trong một cuộc điều tra gần đây, người mua nghi ngờ về tính hợp pháp của bằng sáng chế, có nghĩa là các nhà nhập khẩu có xu hướng chọn hoa quả chế biến từ châu Âu hơn là từ các nước châu Phi. Điều này đã gián tiếp làm hại các nhà đầu tư tại châu Phi. Nhìn chung, hàng rào phi thuế quan dường như ảnh hưởng tới các nước nghèo nhất, đặc biệt là các nước châu Phi cận Sahara.

+) Về Luật truy xuất nguồn gốc: Mục đích của Luật truy xuất nguồn gốc là tránh việc nhập khẩu hàng hoá có giá trị gia tăng được gia công tại nước sở tại đang được hưởng ưu đãi. Luật này làm tăng lợi ích của các nước được ưu đãi bằng cách khuyến khích các nước thứ ba đầu tư vào nước này. Dù vậy, luật này cũng là rào cản cho sự phát triển của công nghiệp gia công, chế biến, đặc biệt trong ngành thủy sản. Hạn chế lớn nhất trong Luật truy xuất nguồn gốc hàng hóa của Mỹ là đưa ra ít khả năng lựa chọn cho các nước được hưởng ưu đãi GSP, chỉ trừ một nhóm nước.

+) Luật phân biệt đối xử: Một số nước đang phát triển đã phản đối tại WTO về điều luật GSP của EU và Mỹ, điều luật này hạn chế quyền hưởng ưu đãi của các nước có khả năng cạnh tranh về một dạng sản phẩm. Ví dụ, điều luật này cấm Argentina xuất khẩu tất cả thịt bò theo diện ưu đãi mà phải chia sẻ với các nước đang phát triển khác. Như vậy, một nước đã xuất khẩu trên một ngưỡng nào đó trong mức ưu đãi cho một sản phẩm nào đó hay tất cả các sản phẩm thì sẽ không được hưởng quyền ưu đãi nữa. Các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước có mức thu nhập trung bình, phê phán điều luật này bởi nó là rào cản cho tính cạnh tranh của họ. Ngoài ra còn có những phê phán các sáng kiến đưa ra những ưu đãi cho các nước đã tham gia chống buôn ma túy (EU, Mỹ), hoặc cho các nước thực hiện tốt các chính sách môi trường và quyền con người (EU). Ấn Độ cũng đã tranh luận tại WTO chống lại việc ưu đãi cho Pakixtan vì đã đấu tranh chống buôn lậu ma túy. Những trường hợp đặc biệt như vậy đã mở đường cho những ảnh hưởng chính trị độc đoán. Khi những qui định đã

không được tôn trọng, nó sẽ mang lại những rắc rối có thể vượt quá khả năng xử lý của WTO.

2. Ảnh hưởng của trợ cấp nông nghiệp đối với châu Phi và các nước đang phát triển

Nhiều nghiên cứu cho rằng, bảo hộ thuế quan của các nước phương Bắc là thảm họa cho hầu hết các nước kém phát triển phương Nam. Đối với các nước châu Phi vùng Sahara, trợ cấp của EU và Mỹ cho những người trồng bông, thuốc lá và lạc có tác hại nghiêm trọng đối với sản xuất nông nghiệp của khu vực này.

a) Trợ cấp xuất khẩu

Việc EU chống lại xoá bỏ trợ cấp xuất khẩu là một trong những điểm chính cản trở quá trình đàm phán nông nghiệp tại Đoha. Trợ cấp xuất khẩu ở các nước phát triển đang mang lại cạnh tranh khác nghiệt và bất bình đẳng trong nông nghiệp: thịt bò và gia cầm tại Tây Phi, sữa ở Giamaica hay ở Ấn Độ. Trợ cấp xuất khẩu châu Âu đã làm hạn chế thương mại ở các nước đang phát triển, tước đoạt thị trường của những nước có tiềm năng sản xuất nông nghiệp. Trong kim ngạch xuất khẩu thịt bò của EU vào Tây Phi, giá trị trợ cấp thường chiếm một nửa tổng giá trị. Việc loại bỏ trợ cấp xuất khẩu sẽ tạo ra thay đổi lớn cho các nước đang phát triển. Những xoá bỏ này sẽ có tác động tới giá cả trên toàn cầu, nhất là giá đường và hàng dân dụng. Với những hàng dân dụng, một vài nước đang phát triển như Argentina chắc chắn sẽ có lợi thế so sánh. Trợ cấp sữa cũng ảnh hưởng tới Tây Phi, các nước này không có khả năng sản xuất để đáp ứng nhu cầu của dân chúng. Tóm lại, loại bỏ những trợ cấp xuất khẩu được đồng

đào các nước đồng tình, có tác dụng chấm dứt cạnh tranh không bình đẳng, nhưng cũng không nên đánh giá quá cao hiệu quả của việc xoá bỏ này.

b) Hỗ trợ nội địa

Trong hỗ trợ nội địa, các nước phát triển phải giảm tổng mức hỗ trợ (AMS) là 20% trong vòng 6 năm trong khi các nước đang phát triển cũng phải giảm 13,33 % trong vòng 10 năm. Theo điều tra (Gulati and Hoda 2003), nếu những chi trả tại hộp xanh da trời được gộp cùng tổng số hộp AMS thì mức độ hỗ trợ nội địa tại EU sẽ lên tới khoảng 30% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp trong năm 1999-2000. Việc giảm cơ bản tổng AMS đem lại cho EU một sự linh hoạt trong khả năng duy trì, thậm chí làm tăng mức AMS cho các hàng hoá cụ thể khác. Mức trung bình AMS cho gạo, đường trắng, bột sữa giảm béo, bơ và thịt bò dao động trong khoảng 50-75% trong năm 1995-2000. Đối với lúa mạch, tổng số AMS là khoảng 25% tổng giá trị sản xuất trong suốt các năm 1995-2000, nhưng nếu chi trả ở hộp xanh da trời cũng được tính thêm vào thì con số này có thể sẽ lên đến khoảng 80%. Tại Mỹ, tổng AMS thấp hơn khá nhiều, nhưng hỗ trợ cho các sản phẩm cụ thể tính theo phần trăm của giá trị sản xuất là khá cao trong thời kỳ 1995-1998 cho các sản phẩm được bảo hộ truyền thống như hàng dân dụng (21%), lạc (33%) và đường (49%). Chỉ 15 nước đang phát triển thực hiện giảm tổng số AMS. Đối với các nước khác, yêu cầu của Bản thỏa thuận cũng không phải là hỗ trợ cho các hàng hoá cụ thể theo phần trăm tổng giá trị sản xuất sản phẩm này mà cũng chẳng phải hỗ trợ hàng hóa không cụ thể theo phần trăm của tổng giá trị sản xuất nông nghiệp phải vượt quá

10%. Như vậy, đa số các nước đang phát triển không có hỗ trợ hàng hóa cụ thể hay không cụ thể vượt quá 10% giá trị sản xuất nội địa đã bị đặt dưới những qui tắc rất cứng nhắc. Họ không thể tăng mức độ hỗ trợ cho từng sản phẩm quá 10% trong khi những nước khác, đặc biệt các nước phát triển, có mức linh hoạt khá cao trong việc tăng hỗ trợ hàng hóa cụ thể.

c) Mở cửa thị trường

Về mở cửa thị trường, đề nghị được đưa ra tại Đoha là giảm đáng kể mức thuế quan, nhưng các công thức sử dụng hiện nay vẫn để mức thuế quan đối với nhiều sản phẩm tại các nước phát triển cao hơn mức chung tại các nước đang phát triển.

Tại các nước công nghiệp phát triển, mức đánh thuế là rất cao. Yêu cầu giảm thuế hơn nữa tới 36%, với mức giảm tối thiểu chỉ 15% cho phép các nước này có thể bảo vệ các sản phẩm nhạy cảm ở mức tối thiểu. Nhiều tỷ lệ thuế được tính theo giá hàng (ad valorem) như sau: 0-495 cho lúa mì, 80-404 cho đường, 35-578 cho pho mát, 82-674 cho bơ, 161-346 cho bột sữa giảm béo, 31-405 cho thịt bò, 5-538 cho thịt lợn, 14-500 cho thịt gia cầm và 40-505 cho thịt cừu. Tại Mỹ, mức thuế quan cao (100-200) được dựng lên cho các sản phẩm bảo hộ truyền thống như pho mát, bơ, bột sữa giảm béo, lạc, đường và những sản phẩm này là đối tượng giảm thuế tối thiểu (15%). Hơn nữa các nước phát triển cũng được phép sử dụng các biện pháp bảo hộ nông sản đặc biệt cho các sản phẩm bị đánh thuế. Cùng với các biện pháp này, mức thuế quan thực sự có thể cao hơn.

Cam kết quan trọng trong quyền hưởng ưu đãi của các nước đang phát triển là giảm thuế quan 24% trong suốt thời gian 10 năm. Thực ra, các nước đang phát triển

vẫn cần những quyền ưu tiên trong việc thực hiện cam kết giảm thuế cho các trợ cấp đầu vào nói chung và đầu tư nói riêng. Mặc dù vậy, ưu đãi đặc biệt không nhất thiết phải là những yếu tố cơ bản trong các chuyên mục của các điều khoản, mà ưu đãi chỉ là một biện pháp tạm thời chứ không phải là biện pháp lâu dài giúp các nước đang phát triển tham gia vào hệ thống thương mại toàn cầu. Về cơ bản, các nước đang phát triển phải đấu tranh đòi quyền bình đẳng trong trao đổi thương mại chứ không phải là đòi quyền ưu đãi với các nước phát triển. Trên thực tế, các ưu đãi đơn phương của EU và Mỹ được thực hiện dưới nhiều chương trình khác nhau. Sự khác biệt trong các chương trình này là ở danh mục hàng hóa hưởng ưu đãi, tiêu chuẩn được hưởng ưu đãi, và các luật hành chính (đặc biệt là luật truy xuất nguồn gốc hàng hóa). Ví dụ, Mỹ đã thực hiện Đạo luật Cơ hội và Phát triển Châu Phi (AGOA), Sáng kiến các nước vùng Vịnh Caribê, và một vài thỏa thuận thương mại tự do cũng có lợi khác (với Ixraen, Giocdani, và Mêhicô). Các chương trình chính của EU bao gồm Công ước Côtônou cho cả châu Phi, Caribê và Thái Bình Dương (ACP), và Sáng kiến "Tất cả trừ vũ khí" (Everything-But-Arms) cho các nước LDCs. EU cũng đã hoàn thành khá nhiều các thỏa thuận thương mại ưu đãi với các nước láng giềng tại châu Âu, Bắc Phi và Trung Đông. Các chương trình ưu đãi này rất khác biệt nếu xét theo những khía cạnh quan trọng của GSP. Thứ nhất, chúng bao gồm những lĩnh vực mà các chương trình chuẩn của GSP không xét tới, ví dụ các sản phẩm may mặc và thực phẩm. Do đó, vào năm 2009 Sáng kiến "Tất cả trừ vũ khí" sẽ bao gồm tất cả các hàng xuất khẩu của nước được ưu đãi (49 nước LDCs) mà không có ngoại lệ - tất cả thuế

và hạn ngạch sẽ được loại bỏ. Tương tự như vậy, các chương trình châu Phi, Caribê và Andean của Mỹ cũng bao gồm cả hàng may mặc, ngược lại với các chương trình GSP của nước này. Thứ hai, các yêu cầu về hành chính của các dự án ưu đãi lớn này lại có xu hướng dễ hơn trong các đòi hỏi về luật truy xuất nguồn gốc hàng hóa và cạnh tranh (USTR 2002).

Cho dù có những cải thiện, nhưng tác động tổng thể của những chương trình này chưa lớn lắm, trừ hàng may mặc xuất khẩu của một vài nước châu Phi vào Mỹ. Thị phần của các nước LDCs trong tổng số hàng nhập khẩu của Mỹ và EU cũng chưa tăng nhiều trong những năm gần đây. Sáng kiến "Tất cả trừ vũ khí", chỉ có hiệu lực cho tới 2006 hay 2009 khi các hàng hóa quan trọng nhất đối với một số các nước LDCs (chuối, gạo, đường) sẽ được tự do hóa. Hầu hết các sản phẩm xuất khẩu này của các nước LDCs đã đủ tiêu chuẩn hưởng ưu đãi, được miễn thuế theo các điều khoản GSP hay Cotonou. Trong trường hợp Mỹ, thị phần xuất khẩu của các nước theo 3 chương trình ưu đãi chính vẫn chưa tăng. Chỉ có hàng may mặc là ngoại lệ, đã có những tăng trưởng xuất khẩu đáng kể, đặc biệt trong trường hợp các nước châu Phi được hưởng AGOA. Tổng số xuất khẩu từ 1996 đã tăng hơn 200% cho các nước được hưởng AGOA, và 60% cho các nước Caribê và Andean. Kết quả trong năm 2002, xuất khẩu may mặc vào Mỹ từ các nước châu Phi được hưởng AGOA đạt gần 1,1 tỷ USD, so với 750 tỷ USD từ Andean và 9,5 tỷ USD từ Caribê. Những nước này chiếm tới 20% trong số 58 tỷ USD thị trường may mặc nhập khẩu của Mỹ. Tốc độ tăng trưởng này chủ yếu là kết quả của việc miễn thuế quan và hạn ngạch cho các nhà xuất khẩu. Đối với các nước AGOA, Luật truy xuất nguồn gốc

hàng hóa đã được bỏ tạm thời, với các nước khác trong một thời gian hạn chế, cũng làm tăng thêm lợi thế của các nước này. Thực tế cho thấy, những ưu đãi của các nước phát triển có hiệu quả lớn nhất cho hoạt động xuất khẩu của các nước đang phát triển nếu được đưa ra trên cơ sở cùng có lợi trong các thoả thuận thương mại tự do khu vực. Hàng xuất khẩu của Tây Ban Nha vào EU và của Mêhicô vào Mỹ tăng đột ngột sau sự thành lập của EU và NAFTA. Kết quả của việc tăng xuất khẩu này không chỉ là kết quả của việc loại bỏ hàng rào nhập khẩu của các đối tác phương Bắc, mà còn là 'sự thay đổi thể chế' ở những nước phương Nam và những thay đổi để ngăn chặn rủi ro bất ổn định, và môi trường đầu tư.

Kết luận

Trong tương lai, các cuộc đàm phán của Vòng đàm phán Đoha trong nông nghiệp cần phải đem lại lợi ích cho các nước đang phát triển, đặc biệt là những nước thu nhập thấp và LDCs vốn đang phải đối diện với đói nghèo, với vấn đề phát triển thực phẩm và nông nghiệp. Các điều khoản về nông nghiệp không nên thiên về những trường hợp đặc biệt, mà nên phản ánh những mục tiêu luật pháp thông thường. Hơn nữa, cũng cần có một sự gắn kết lớn hơn giữa chính sách thương mại nông sản và nông nghiệp từ các nước phát triển, mở cánh cửa thị trường cho các nước đang phát triển tới các nước phát triển cũng như loại bỏ dần, rồi tiến tới loại bỏ hoàn toàn trợ cấp xuất khẩu của các nước phát triển với tốc độ nhanh hơn tốc độ tại các nước đang phát triển.

Đối với châu Phi, mặc dù các nước đã cố gắng tham gia vào hệ thống thương mại đa phương, nhưng vẫn chưa thu được lợi ích đáng kể trong thập kỷ vừa qua.

Nguyên nhân cơ bản xuất phát từ chính bản thân nền kinh tế châu Phi do chưa có chính sách phù hợp. Nguyên nhân bên ngoài là hàng rào bảo hộ nông nghiệp của các nước công nghiệp phát triển cũng làm giảm bớt các cơ hội của lục địa này. Riêng năm 2002, chính phủ các nước OECD đã trợ cấp trên 234 tỷ USD cho khu vực nông nghiệp, làm giảm giá cả thế giới và đẩy các nhà sản xuất châu Phi vào tình trạng khốn đốn.

Tài liệu tham khảo

1. Werth, Alexander, 2003, *Agri- Environment and Rural Development in the Doha Round*, International Institute for Sustainable Development, Canada.
2. WTO, 2004, *WTO Agriculture Negotiations - The Issues, and Where We are Now*, < <http://www.wto.org/> >
3. Narlika, Amrita, 2004, *The G20 at the Cancun Ministerial: Developing Countries and Their Evolving Coalitions in the WTO*, Blackwell Publishing Ltd. Malden, USA.
4. GEGP, 2004, *Breaking the Deadlock in Agricultural Trade Reform and Development: How Could a Leaders' Level G20 Make a Difference?*, <<http://www.globaleconomicgovernance.org>>
5. Wilson, John S, 2002, *Liberalizing Trade in Agriculture: Developing Countries in Asia and the Post-Doha Agenda*, <<http://www.worldbank.org>>
6. WWICS, 2004 "Making Doha a Development Round: What Do the Developing Countries Want?" <<http://www.ecspal.edu>>
7. Athukorala, Chandra. 2004, *Agricultural Trade Reforms in the Doha Round: A Developing Country Perspective*, Journal of World Trade, Vol. 38, No.5, October.
8. Tussie, Diana, 2004, *Agriculture Subsidies and the Doha Round: A Role for the G20*, Project: The G20 Architecture in 2020, Securing a Legitimate Role for the G20, CIGI.
9. Hyun, Oh Seok, 2005, *The Effect of New Asian Regional Trade Groupings on the Doha Round Negotiations*, Presented paper at Link Meeting in Mexico.